

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 25/2021/HSPT

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán:

Ông **Châu Văn Mỹ**

Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Duy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Quan Tuấn Nghĩa**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Võ Văn K cùng các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **VÕ VĂN K**, sinh năm 1982; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nơi thường trú: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh S, sinh năm 1956 và bà Lê Thùy D, sinh năm 1956; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1982 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 25/01/2006, Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Nhân thân: Ngày 09/9/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 16/04/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 16/01/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu xử phạt Hành chính đưa vô trường giáo dục 24 tháng; bị bắt tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020 cho tại ngoại đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **PHẠM VĂN H**, sinh năm 1982; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B (B1), (đã chết) và bà Hà Thị T, (đã chết); bị cáo có vợ tên Trần Oanh L, sinh năm 1990 và có 02 người con, (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017); tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 19/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị bắt tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020 cho tại ngoại đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: **TÔ H1**, sinh năm 1955; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô C (đã chết) và bà Trương Thị N, (đã chết); bị cáo có vợ tên Lâm Thị K, sinh năm 1964 và có 01 người con (sinh năm 1997); tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 28/4/2008, Công an nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 1.500.00đ về hành vi đánh bạc; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: **VÕ QUỐC T**, sinh ngày 01/01/1987; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H, sinh năm 1949 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Lữ Thị Kiều M, sinh năm 1993 và 01 người con (sinh năm 2013); tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 12/01/2009, Công an nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 750.00đ về hành vi hủy hoại tài sản; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Họ và tên: **MAI VIỆT K1**, sinh ngày 19/10/1991; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tên gọi khác: Đ.B.

Nơi cư trú: Ấp M.I, xã V.Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N, sinh năm 1970 và bà Danh Bích N, sinh năm 1972; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị M, sinh năm 1992 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020 cho tại ngoại đến nay (có mặt).

6. Họ và tên: **NGUYỄN MINH S**, sinh ngày 30/12/1978; tại huyện L, tỉnh An Giang. Tên gọi khác: M.O.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, (đã chết) và bà Phạm Thị A, sinh năm 1950; có vợ tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1975 và có 01 người con

(sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020 cho tại ngoại đến nay (có mặt).

7. Họ và tên: **TRẦN VĂN G**, sinh năm 1983; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp M.I, xã V. Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1933 và bà Lê Thị B (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985 và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020 cho tại ngoại đến nay (có mặt).

8. Họ và tên: **TRƯƠNG TẤN K2**, sinh năm 1976; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp M.I, xã V.Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Tấn N, sinh năm 1955 và bà Huỳnh Ánh N, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Quách Thị N, sinh năm 1980 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Họ và tên: **TRẦN HOÀI H2**, sinh ngày 01/01/1986; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tên gọi khác: H.E.

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần L, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Nguyễn Ngọc K3, sinh năm 1988 và có 01 người con (sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 01/7/2020, Công an huyện Hồng Dân bắt quả tang Phạm Văn H, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Văn K, Võ Quốc T, Trương Tấn K2, đang tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền tại quán cà phê “Hoa Cát Trắng” của Lê Minh C thuộc địa phận ấp N, xã N.A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu giao cho Trần Hoài H2 và Nguyễn Ngọc K3 quản lý. Quá trình bắt quả tang thu giữ:

- Tại nơi đánh bạc tạm giữ: 01 miếng vải dù màu xanh, đã qua sử dụng; 52 lá bài tây, đã qua sử dụng; Số tiền 1.100.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận như sau: Vào khoảng 11 giờ ngày 01/7/2020, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Văn K, Võ Quốc T, Trương Tấn K2, Trần Tấn Đ, Nguyễn Nhật A, Đoàn Huy C1, Phạm Văn Ba C2, Phạm Minh D, Nguyễn Chí H3 và Nguyễn Tấn N đến quán cà phê Hoa Cát Trắng thuộc ấp N, xã N.A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, quán do Lê Minh C

làm chủ, được giao cho vợ chồng của Trần Hoài H2 và Nguyễn Ngọc K3 quản lý để uống cà phê và đánh bi da. Lúc này, các bị cáo K, G, T, S, H1, K1 rủ nhau đánh bài cào ba lá ăn thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Khi đó, K hỏi H2 mượn chỗ đánh bài ăn tiền, H2 đồng ý và lấy trong học tử ra bộ bài tây 52 lá đưa cho K, còn K lấy miếng vải dùng để đẩy bàn bi da trải dưới nền xi măng để ngồi chơi đánh bài. Khi chơi K làm cái, còn T, G, H1, S, K1 đặt tụ. Hình thức chơi bài cào ba lá, mỗi bàn đặt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, K làm cái chia cho 05 tụ đặt mỗi tụ 03 lá bài, sau đó các tụ đặt đối chiếu bài của mình ăn thua trực tiếp với tụ cái của K, nếu bài của tụ đặt nhỏ hơn bài của K thì thua K số tiền đã đặt, nếu bài của tụ đặt lớn hơn bài của K thì thắng K số tiền đã đặt, nếu bài của tụ đặt bằng với bài của K thì hai bên hòa nhau. Khi chơi được khoảng 03 – 04 bàn, K đưa cho H2 200.000 đồng để trả tiền nước hơn 100.000 đồng, còn lại K cho H2 tiền cho mượn chỗ đánh bài. Khi H2 lấy của K 200.000 đồng, H2 sử dụng để đánh bài và vào tham gia ké tụ của H1, H2 ké được 01 bàn, cùng lúc này có H và K2 vào tham gia ké tụ của S. Khi có H2, H và K vào tham gia thì tụ cái và các tụ đặt vẫn còn như ban đầu. H2 ké tụ 02 bàn thua hết 200.000 đồng thì nghỉ chơi và nằm võng gần đó để xem đánh bài, K2 ké tụ một bàn sau đó đi vệ sinh và nghe điện thoại. Lúc đó, S ra ngoài ăn cơm, H vào thế tụ của S. Khoảng 05 phút sau, S quay lại chơi tiếp và ké tụ của H1 03 bàn, còn K2 từ nhà vệ sinh đi ra để chơi tiếp. Lúc này Công an vào bắt quả tang, qua điều tra chứng minh được số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

- Võ Văn K thừa nhận: Khi đi mang theo khoảng 20.000.000 đồng. Sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, khi chơi K trực tiếp làm cái. Khi chơi thắng được 300.000 đồng, trả tiền nước và cho Hận 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ tại chiếu bạc 1.100.000 đồng là của K, còn số tiền 18.925.000 đồng thu giữ trên người sử dụng trong gia đình.

- Tô H1 thừa nhận: Khi đi mang theo 8.372.000 đồng, lấy ra 300.000 đồng để đánh bạc, Há đặt tụ chính, khi chơi thua 200.000 đồng, còn 100.000 đồng khi Công an bắt quả tang rơi mất, còn số tiền thu giữ 8.072.000 đồng sử dụng trong gia đình.

- Trần Văn G thừa nhận: Khi đi mang theo gần 9.000.000 đồng, lấy ra 1.400.000 đồng đánh bạc, Giàu đặt tụ chính. Khi chơi bỏ dưới chiếu bạc 400.000 đồng, chơi thua nhưng không biết bao nhiêu, còn lại khi Công an bắt quả tang vắng mặt. Số tiền thu trên người 1.000.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc, còn số tiền 7.455.000 đồng là tiền giao cát đá cho người khác.

- Võ Quốc T thừa nhận: Khi đi đem theo 500.000 đồng dùng hết để đánh bạc, Tuấn đặt tụ chính. Khi chơi thua hết 400.000 đồng, còn 100.000 đồng đang đặt dưới chiếu bạc, khi công an bắt quả tang vắng mặt.

- Nguyễn Minh S thừa nhận: Khi đi mang theo 3.250.000 đồng, mua cơm hết 30.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng vào việc đánh bạc, khi chơi lúc đầu S đặt tụ chính, lúc sau ké tụ của H1, không ăn thua. Khi bắt quả tang Công an thu giữ 3.220.000 đồng.

- Mai Việt K1 thừa nhận: Khi chơi mang theo 1.550.000 đồng, mua 04 tờ vé số 40.000 đồng, trả tiền cà phê 5.000 đồng, còn 1.505.000 đồng dùng để đánh

bạc, K1 đặt tự chính, khi chơi thua 50.000 đồng. Khi bắt quả tang Công an thu giữ 1.455.000 đồng.

- Phạm Văn H thừa nhận: Khi đi mang theo 1.160.000 đồng, sử dụng 660.000 đồng vào việc đánh bạc, lúc đầu H ké tự của Sơn, sau đó vào tham gia đặt tự chính. Khi chơi thắng được 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ 1.360.000 đồng, trong đó có 860.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc và tiền đánh bạc thắng, còn 500.000 đồng là tiền chi xài cá nhân.

- Trần Hoài H2 thừa nhận: Khi chơi có 428.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng của Kha đưa vào việc đánh bạc, H2 ké tự của H1, chơi thua 02 bàn 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 228.000 đồng là tiền dùng để chi xài cá nhân.

- Trương Tấn K2: Khi đi mang theo 3.740.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng vào việc đánh bạc, ké tự Sơn 100.000 đồng chưa biết ăn thua thì K2 đi vệ sinh và nghe điện thoại, khi đi ra chuẩn bị chơi tiếp bị Công an bắt quả tang thu giữ 3.640.000 đồng, trong đó 100.000 đồng tiền dùng để đánh bạc, số còn lại để đặt cọc mua ghế.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong ngày 01/7/2020 là 6.465.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và Trần Hoài H2, phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn K**, 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H**, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tô H1**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Quốc T**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Việt K1**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn G**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Hoài H2**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh S**, 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Tấn K1**, 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2021 bị cáo Phạm Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Võ Quốc T kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 27/01/2021 các bị cáo Trần Văn G, Mai Việt K1 kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 28/01/2021 các bị cáo Tô H1, Nguyễn Minh S kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 29/01/2021 bị cáo Võ Văn Kha kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo; ngày 01/02/2021 các bị cáo Trương Tấn K2, Trần Hoài H2 kháng cáo xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo về thời hạn và nội dung là đúng quy định của pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là có căn cứ.

Về nội dung:

Căn cứ vào quá trình xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 01/7/2020, các bị cáo Phạm Văn H, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Văn K, Võ Quốc T, Trương Tấn K2, đang tham gia đánh bài thắng, thua bằng tiền tại quán cà phê “Hoa Cát Trắng” thuộc địa phận ấp N, xã N.A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, quán do Trần Hoài H2 và Nguyễn Ngọc K3 quản lý, đến 12 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Hồng Dân bắt quả tang. Quá trình điều tra chứng minh được số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.465.000 đồng. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân đã xử phạt các bị cáo về tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

là có căn cứ, đúng người đúng tội. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên đã áp dụng mức hình phạt phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin được giảm án, xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và bị cáo Trần Hoài H2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 11 giờ ngày 01/7/2020, bị cáo Trần Hoài H2 đã đồng ý để các bị cáo Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Văn K, Võ Quốc T, Trương Tấn K2 và bị cáo Phạm Văn H, dùng địa điểm do mình (bị cáo H2) quản lý là quán cà phê Hoa Cát Trắng, địa chỉ ấp N, xã N.A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để thực hiện hành vi đánh bài thắng, thua bằng tiền. Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị Công an huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu bắt và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Qua điều tra, chứng minh được, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.465.000 đồng. Trong đó, của bị cáo Võ Văn K, 1.000.000 đồng; bị cáo Mai Việt K1, 1.505.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh S, 700.000 đồng; bị cáo, Trần Văn G, 1.400.000 đồng; bị cáo Tô H1, 300.000 đồng; bị cáo Võ Quốc T, 500.000 đồng; bị cáo Phạm Văn H, 660.000 đồng; bị cáo Trương Tấn K2 200.000 đồng và của bị cáo Trần Hoài H2 200.000 đồng.

[2] Với số tiền dùng vào việc đánh bạc như đã nêu trên, bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đã xét xử các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và Trần Hoài H2, phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và Trần Hoài H2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Võ Văn K, Phạm Văn H: Các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù. Trong đó, bị cáo Võ Văn K là người có vai trò chính, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm; bị cáo Phạm Văn H là người có nhân thân không tốt, cả bị cáo K và bị cáo H chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do

đó, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Võ Văn K 07 tháng tù, bị cáo Phạm Văn H 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hơn nữa, bị cáo K chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Quốc T, Trương Tấn K2 và bị cáo Trần Hoài H2: Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó, bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là đã thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2, Tô H1 và bị cáo Trần Hoài H.

[5] Về án phí: Các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và Trần Hoài H2, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Tô H1, sinh năm 1955 là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và bị cáo Trần Hoài H2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HSST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Tô H1, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và bị cáo Trần Hoài H, phạm tội “*Đánh bạc*”.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn K**, 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H**, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tô H1**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Quốc T**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Việt K1**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn G**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Hoài H2**, 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh S**, 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Tấn K2**, 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

12. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Võ Văn K, Mai Việt K1, Nguyễn Minh S, Trần Văn G, Võ Quốc T, Phạm Văn H, Trương Tấn K2 và Trần Hoài H2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

13. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND H. Hồng Dân (01 bản);
- TAND H. Hồng Dân (20 bản);
- CQĐT H. Hồng Dân (01 bản);
- Chi cục THADS H. Hồng Dân (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (09 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Khang